

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học, ban hành kèm theo Quyết định số 3796/QĐ-ĐHCT, ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản xét tốt nghiệp số 18/BB-ĐHCT, 19/BB-ĐHCT, 20/BB-ĐHCT, 21/BB-ĐHCT, 22/BB-ĐHCT ngày 09/8/2024, của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp hình thức Vừa làm vừa học năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho 358 sinh viên hình thức Vừa làm vừa học do Trường Đại học Cần Thơ đào tạo tại các đơn vị:

- Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh An Giang	01 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp	18 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	21 sinh viên;
- Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	22 sinh viên;
- Trường Đại học Cần Thơ	45 sinh viên;
- Trường Đại học Tiền Giang	67 sinh viên;
- Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Cà Mau	46 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Kiên Giang	43 sinh viên;
- Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	31 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	37 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Luật miền Nam	27 sinh viên;

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Các chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ được dùng kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo, Hiệu trưởng – Giám đốc các đơn vị liên kết đào tạo và sinh viên thuộc điều 1, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TT.LKĐT/ĐHCT.

HIỆU TRƯỞNG ¹⁶



Trần Trung Tính

DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 07/2024

(Kèm theo Quyết định số: 3180/QĐ-ĐHCT ký ngày 12 tháng 8 năm 2024)

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
1	AG1720N503	Phạm Sơn Ca	03/05/1995	N	AG1720N1	Kế toán	Khá
2	CD2220K500	Nguyễn Thị Thúy An	29/07/1997	N	CD2220K1	Kế toán	Khá
3	CD2220K501	Võ Thành Danh	22/11/1991		CD2220K1	Kế toán	Trung bình
4	CD2220K502	Phạm Hải Dương	26/07/1995		CD2220K1	Kế toán	Trung bình
5	CD2220K506	Phạm Thị Thu Huyền	16/01/1993	N	CD2220K1	Kế toán	Khá
6	CD2220K507	Ngô Mạnh Khang	03/02/1997		CD2220K1	Kế toán	Khá
7	CD2220K508	Nguyễn Hoài Nam	02/07/1990		CD2220K1	Kế toán	Khá
8	CD2220K509	Nguyễn Ngọc Ngân	26/08/1993	N	CD2220K1	Kế toán	Khá
9	CD2220K511	Đinh Thị Minh Như	08/01/1994	N	CD2220K1	Kế toán	Khá
10	CD2220K512	Lê Phạm Hoàng Oanh	13/11/1990	N	CD2220K1	Kế toán	Giỏi
11	CD2220K513	Trần Nguyễn Hoàng Oanh	01/10/1990	N	CD2220K1	Kế toán	Khá
12	CD2220K517	Huỳnh Phương Thảo	13/03/1988	N	CD2220K1	Kế toán	Trung bình
13	CD2220K521	Lê Thị Ngọc Trâm	27/09/1993	N	CD2220K1	Kế toán	Khá
14	CD2220K525	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	08/02/1991	N	CD2220K1	Kế toán	Giỏi
15	CD2220K528	Nguyễn Trường Giang	15/06/1989		CD2220K1	Kế toán	Giỏi
16	CD2220K531	Lê Hoàng Trúc Phi	18/06/1994	N	CD2220K1	Kế toán	Khá
17	CD2220K532	Bùi Thanh Tãi	09/09/1994		CD2220K1	Kế toán	Khá
18	CD2220K534	Nguyễn Dương Hải Tú	03/05/1996	N	CD2220K1	Kế toán	Khá
19	CD2220K535	Văn Thị Huỳnh Dao	19/06/1984	N	CD2220K1	Kế toán	Khá
20	CK2222K500	Hoàng Kim Anh	04/10/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
21	CK2222K504	Lâm Nguyễn Phương Duy	31/10/2001		CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
22	CK2222K509	Phan Nhật Hào	30/04/2001		CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
23	CK2222K510	Dương Vĩ Khang	23/06/2001		CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
24	CK2222K512	Nguyễn Đỗ Nhật Lam	11/11/2001		CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
25	CK2222K513	Phùng Thụy Gia Linh	25/08/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
26	CK2222K514	Bùi Thị Trúc Linh	25/10/1995	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
27	CK2222K515	Nguyễn Anh Loan	04/03/2000	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
28	CK2222K516	Nguyễn Tôn Nữ Trà My	06/06/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
29	CK2222K517	Trần Thị My Na	18/02/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
30	CK2222K518	Nguyễn Ngọc Ngân	22/02/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
31	CK2222K520	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	17/11/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
32	CK2222K521	Trần Thị Yến Nhi	21/11/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
33	CK2222K522	Nguyễn Tâm Như	25/10/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
34	CK2222K524	Thiêm Văn Phi	15/05/2001		CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
35	CK2222K527	Võ Ngọc Quý	12/06/1988	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
36	CK2222K533	Lê Thái Trân	03/02/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
37	CK2222K537	Nguyễn Như Ý	06/10/2000	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
38	CK2222K540	Trần Thị Thùy Dương	10/05/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
39	CK2222K542	Đỗ Thị Anh Thư	05/10/2001	N	CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
40	CK2222K546	Nguyễn Văn Bằng	07/07/2001		CK2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
41	CT1532N541	Võ Nguyễn Hoàng My	17/09/1990	N	CT1532N1	Luật	Trung bình
42	CT15Y6N518	Nguyễn Việt Văn	18/05/1983		CT15Y6N1	Kỹ thuật cơ - điện tử	Khá
43	CT1822N518	Nguyễn Quốc Thái	10/06/1993		CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
44	CT1822N521	Lê Cường Thịnh	09/09/1992		CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
45	CT1932N512	Điêu Ngọc Khánh	15/03/1995		CT1932N1	Luật	Khá
46	CT1932N524	Nguyễn Ngọc Phước	08/05/2001		CT1932N1	Luật	Trung bình
47	CT2120Q501	Lê Minh Chánh	22/09/1988		CT2120Q1	Kế toán	Khá
48	CT2120Q505	Lâm Hồng Hạnh	27/09/1999	N	CT2120Q1	Kế toán	Giỏi
49	CT2120Q506	Hoàng Thị Hoa	06/11/1988	N	CT2120Q1	Kế toán	Giỏi
50	CT2120Q508	Nguyễn Thị Ngọc Huỳnh	13/05/1997	N	CT2120Q1	Kế toán	Khá
51	CT2120Q512	Vũ Trương Khánh Linh	28/04/1994	N	CT2120Q1	Kế toán	Giỏi
52	CT2120Q516	Nguyễn Xuân Nghi	17/10/1992	N	CT2120Q1	Kế toán	Xuất sắc
53	CT2120Q518	Nhâm Trúc Phương	06/05/1996	N	CT2120Q1	Kế toán	Xuất sắc
54	CT2120Q525	Bùi Thanh Tô	19/03/1991		CT2120Q1	Kế toán	Khá
55	CT2120Q527	Lương Ngọc Trâm	15/03/1993	N	CT2120Q1	Kế toán	Khá
56	CT2120Q530	Nguyễn Thị Bé Trang	22/12/1979	N	CT2120Q1	Kế toán	Khá
57	CT2120Q531	Phan Thị Thu Trang	03/03/1995	N	CT2120Q1	Kế toán	Khá
58	CT2120Q532	Phan Thị Thảo Trúc	28/04/1996	N	CT2120Q1	Kế toán	Giỏi
59	CT2120Q535	Huỳnh Văn Ni	06/12/1979		CT2120Q1	Kế toán	Khá
60	CT2120Q536	Trần Ngọc Trâm	25/08/1992	N	CT2120Q1	Kế toán	Khá
61	CT2120Q538	Lê Chiến Đầu	24/06/1979		CT2120Q1	Kế toán	Khá
62	CT2120Q539	Lâm Ánh Tuyết	20/10/1986	N	CT2120Q1	Kế toán	Khá
63	DC1462N500	Nguyễn Văn Dư	26/01/1994		DC1462N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Khá
64	DC1632N006	Nguyễn Xuân Định	05/11/1995		DC1632N1	Luật	Trung bình
65	DC1762N329	Nguyễn Thanh Lâm	00/00/1980		DC1762N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình
66	DC1822N700	Hà Thị Trúc Anh	20/04/1991	N	DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
67	DC1822N716	Nguyễn Thúy Ngân	21/05/1992	N	DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
68	DC1832N510	Nguyễn Vương Long	21/01/1994		DC1832N1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
69	DC1896N733	Trần Thiện Thức	31/05/2000		DC1896N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá
70	DC1932N509	Phạm Thị Mỹ Hòa	09/08/1998	N	DC1932N1	Luật	Khá
71	DC1932N531	Thạch Thuận	07/05/1987		DC1932N1	Luật	Khá
72	DC2022N003	Trần Thị Ngọc Ánh	24/02/2001	N	DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
73	DC2220K500	Dương Thị Phương Anh	25/04/1994	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
74	DC2220K510	Huỳnh Thanh Hiền	11/09/2000	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
75	DC2220K511	Trần Lê Quang Hiếu	12/01/1990		DC2220K1	Kế toán	Giỏi
76	DC2220K514	Lê Thị Thanh Loan	23/03/1988	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
77	DC2220K515	Đỗ Thị Kim Loan	30/10/1989	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
78	DC2220K520	Đỗ Thị Nhi	15/08/1990	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
79	DC2220K522	Lê Thị Huỳnh Như	16/02/2000	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
80	DC2220K523	Đặng Thị Kim Nhung	12/04/1996	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
81	DC2220K524	Nguyễn Thị Bé Thơ	26/12/2000	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
82	DC2220K525	Lê Huỳnh Anh Thư	08/04/1992	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
83	DC2220K526	Nguyễn Thanh Thuận	07/03/1989		DC2220K1	Kế toán	Khá
84	DC2220K527	Tô Thị Ngọc Trâm	15/06/1999	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
85	DC2220K529	Nguyễn Quốc Phương Trang	10/09/1997	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
86	DC2220K533	Châu Trần Diễm Trinh	01/07/2001	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
87	DC2220K535	Trương Duy Trung	12/08/1993		DC2220K1	Kế toán	Khá
88	DC2220K536	Võ Ngọc Cẩm Tú	20/08/1989	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
89	DC2220K538	Đinh Thị Mỹ Xuyên	01/07/2001	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
90	DC2220K539	Tạ Thùy Dương	28/04/2000	N	DC2220K1	Kế toán	Khá
91	DC2220K542	Cao Yến Phương	24/06/2001	N	DC2220K1	Kế toán	Trung bình
92	DC2222K500	Nguyễn Trường An	30/10/1998		DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
93	DC2222K504	Nguyễn Minh Đức	08/11/1987		DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
94	DC2222K509	Nguyễn Thị Kim Ngân	21/02/1991	N	DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
95	DC2222K511	Nguyễn Thị Kim Ngọc	29/06/2001	N	DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
96	DC2222K512	Đỗ Thảo Nguyên	24/09/2001	N	DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
97	DC2222K513	Nguyễn Phúc Trọng Nhân	03/10/2001		DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
98	DC2222K514	Lê Duy Nhân	20/07/1993		DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
99	DC2222K516	Thạch Hoàng Nhi	30/06/2001	N	DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
100	DC2222K521	Trần Chí Tâm	08/09/2000		DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
101	DC2222K524	Lý Kim Thanh	19/06/2001	N	DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
102	DC2222K526	Nguyễn Hoàng Thông	11/11/1988		DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
103	DC2222K527	Lê Thị Cẩm Tiên	09/09/1993	N	DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
104	DC2222K530	Bùi Hồng Vân	02/01/1992	N	DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
105	DC2222K531	Lê Phương Vy	03/07/1995	N	DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
106	DC2222K536	Nguyễn Công Sơn	22/09/1996		DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Khá
107	DC2222K537	Mai Thanh Hiền	15/03/1990	N	DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
108	DG1932N326	Trần Công Trận	04/02/1989		DG1932N1	Luật	Trung bình
109	DG1932N342	Nguyễn Văn Sơn	13/04/1995		DG1932N1	Luật	Khá
110	DG2032K025	Phạm Thị Thảo	16/08/1998	N	DG2032K1	Luật	Khá
111	DG2132Q503	Đoàn Văn Châu	19/10/1980		DG2132Q1	Luật	Khá
112	DG2132Q504	Hồ Bảo Châu	31/10/1980	N	DG2132Q1	Luật	Khá
113	DG2132Q509	Phạm Đức Duy	03/09/1997		DG2132Q1	Luật	Khá
114	DG2132Q511	Lê Thị Đoan	27/04/1982	N	DG2132Q1	Luật	Khá
115	DG2132Q517	Nguyễn Phước Khang	15/10/1997		DG2132Q1	Luật	Giỏi
116	DG2132Q520	Nguyễn Thị Vu Lan	04/10/1987	N	DG2132Q1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
117	DG2132Q522	Lê Thị Kiều Liên	29/10/1983	N	DG2132Q1	Luật	Khá
118	DG2132Q523	Lê Vũ Linh	10/12/1992		DG2132Q1	Luật	Khá
119	DG2132Q524	Lê Thị Diễm My	05/03/1990	N	DG2132Q1	Luật	Khá
120	DG2132Q526	Phạm Nguyễn Diễm My	25/12/1992	N	DG2132Q1	Luật	Khá
121	DG2132Q531	Dương Thị Kim Ngân	21/09/1990	N	DG2132Q1	Luật	Khá
122	DG2132Q536	Lê Thị Hồng Nhớ	01/01/1984	N	DG2132Q1	Luật	Giỏi
123	DG2132Q540	Nguyễn Ánh Quang	20/11/1980		DG2132Q1	Luật	Khá
124	DG2132Q543	Phạm Thanh Tài	01/12/1986		DG2132Q1	Luật	Giỏi
125	DG2132Q546	Nguyễn Thị Tiến Tâm	25/10/1985	N	DG2132Q1	Luật	Khá
126	DG2132Q547	Trương Minh Tân	09/11/1993		DG2132Q1	Luật	Khá
127	DG2132Q548	Phạm Quang Thạch	02/02/1984		DG2132Q1	Luật	Khá
128	DG2132Q554	Nguyễn Thị Mai Thanh	15/05/1984	N	DG2132Q1	Luật	Khá
129	DG2132Q555	Lê Thị Yên Thanh	11/01/1995	N	DG2132Q1	Luật	Khá
130	DG2132Q556	Mai Minh Thiện	10/02/1992		DG2132Q1	Luật	Khá
131	DG2132Q557	Nguyễn Thị Kim Thiết	04/06/1982	N	DG2132Q1	Luật	Khá
132	DG2132Q558	Nguyễn Đức Thọ	10/12/1989		DG2132Q1	Luật	Khá
133	DG2132Q562	Võ Thị An Tiên	02/09/1996	N	DG2132Q1	Luật	Khá
134	DG2132Q564	Hồ Hải Quỳnh Trang	26/02/1995	N	DG2132Q1	Luật	Khá
135	DG2132Q565	Nguyễn Văn Trèo	04/10/1974		DG2132Q1	Luật	Khá
136	DG2132Q566	Tạ Minh Trí	07/10/1981		DG2132Q1	Luật	Khá
137	DG2132Q569	Nguyễn Thị Bích Tuyên	25/03/1989	N	DG2132Q1	Luật	Khá
138	DG2132Q570	Lê Thị Mộng Tuyên	30/10/1986	N	DG2132Q1	Luật	Khá
139	DG2132Q572	Trần Thị Thu Vân	24/03/1988	N	DG2132Q1	Luật	Khá
140	DG2132Q573	Đặng Thị Tuyết Vân	09/04/1983	N	DG2132Q1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
141	DG2132Q576	Nguyễn Thanh Vượng	29/04/1969		DG2132Q1	Luật	Khá
142	DG2132Q577	Bùi Thanh Vy	15/04/1995	N	DG2132Q1	Luật	Khá
143	DG2132Q579	Đình Quốc Cường	22/02/1980		DG2132Q1	Luật	Khá
144	DG2132Q580	Trần Thanh Long	25/02/1980		DG2132Q1	Luật	Khá
145	DG2132Q581	Phạm Huỳnh Minh Phúc	31/10/1999		DG2132Q1	Luật	Khá
146	DG2132Q582	Ngô Thị Lan Phương	20/07/1983	N	DG2132Q1	Luật	Khá
147	DG2132Q583	Đình Trung Thái	02/12/1998		DG2132Q1	Luật	Khá
148	DG2132Q584	Ngô Huỳnh Quang Thái	04/11/1981		DG2132Q1	Luật	Khá
149	DG2132Q585	Thái Anh Thư	27/11/1990	N	DG2132Q1	Luật	Khá
150	DG2132Q586	Trần Thị Thu Vân	24/12/1981	N	DG2132Q1	Luật	Khá
151	DG2132Q587	Nguyễn Thị Kim Yên	30/10/1982	N	DG2132Q1	Luật	Khá
152	DG21V1Q500	Nguyễn Thị Thanh Băng	03/06/1997	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
153	DG21V1Q501	Nguyễn Thanh Bình	08/06/1984		DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
154	DG21V1Q503	Hoàng Hữu Duy	27/04/1985		DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
155	DG21V1Q504	Nguyễn Kiều Duyên	13/02/1994	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
156	DG21V1Q505	Huỳnh Minh Đạt	23/03/1996		DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
157	DG21V1Q506	Phùng Thị Hà	08/03/1986	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
158	DG21V1Q507	Nguyễn Võ Thị Cẩm Hiền	31/05/1990	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
159	DG21V1Q510	Trịnh Quốc Khánh	21/06/1974		DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
160	DG21V1Q511	Đỗ Thanh Lâm	05/10/1977		DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
161	DG21V1Q517	Hồ Thị Kiều Nương	07/10/1993	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
162	DG21V1Q518	Ngô Thanh Phong	01/02/1982		DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
163	DG21V1Q519	Lý Hồng Nguyệt Quế	25/08/1988	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
164	DG21V1Q520	Nguyễn Tường Quyên	17/07/1991	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
165	DG21V1Q521	Trương Anh Kim Sa	12/11/1994	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
166	DG21V1Q522	Lê Bá Tài	29/05/1995		DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
167	DG21V1Q527	Huỳnh Thị Tố Trinh	19/08/1982	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
168	DG21V1Q531	Võ Thị Ý	20/11/1976	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
169	DG21V1Q533	Nguyễn Thanh Bình	13/05/1990		DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
170	DG21V1Q535	Ngô Tùng Hiếu	06/02/1995		DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
171	DG21V1Q538	Bùi Ngọc Thúy Linh	19/04/1974	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
172	DG21V1Q539	Huỳnh Thị Ngọc Linh	07/12/1978	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
173	DG21V1Q542	Lâm Nguyễn Anh Thư	23/08/1999	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
174	DG21V1Q544	Huỳnh Thị Thanh Xuân	21/04/1998	N	DG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
175	GC20T5P001	Nguyễn Tuấn Anh	27/11/1996		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
176	GC20T5P002	Nguyễn Chí Bảo	06/02/1993		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
177	GC20T5P003	Nguyễn Văn Bền	01/01/1984		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
178	GC20T5P004	Danh Thanh Bình	26/05/1977		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
179	GC20T5P009	Trịnh Khắc Giáp	11/01/1993		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
180	GC20T5P015	Nguyễn Thế Hùng	01/01/1982		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
181	GC20T5P017	Nguyễn Văn Hường	12/03/1986		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
182	GC20T5P019	Cao Minh Khánh	16/10/1987		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
183	GC20T5P020	Phạm Quốc Khánh	07/07/1981		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
184	GC20T5P022	Trần Quang Khôi	04/01/1994		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
185	GC20T5P023	Nguyễn Văn Khởi	07/10/1984		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
186	GC20T5P024	Trần Trương Lai	02/12/1987		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
187	GC20T5P026	Nguyễn Nhật Linh	15/09/1988		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
188	GC20T5P027	Lê Khánh Linh	08/12/1987		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
189	GC20T5P028	Lê Công Lĩnh	00/00/1985		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
190	GC20T5P029	Nguyễn Hoàng Long	20/11/1988		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Giỏi
191	GC20T5P030	Trần Ngọc Minh	17/04/1986		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Trung bình
192	GC20T5P031	Đặng Thùy Mỹ	13/06/1989	N	GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
193	GC20T5P032	Phạm Văn Nam	23/01/1994		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
194	GC20T5P035	Bùi Đặng Nội	05/12/1985		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
195	GC20T5P037	Nguyễn Ty Phô	27/10/1985		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
196	GC20T5P038	Trần Phát Phới	03/05/1987		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
197	GC20T5P040	Nguyễn Văn Sơn	03/06/1988		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
198	GC20T5P041	Hà Văn Sùng	19/10/1985		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
199	GC20T5P042	Đặng Hoàng Tăng	06/01/1985		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
200	GC20T5P044	Nguyễn Mạnh Tiến	27/05/1989		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
201	GC20T5P046	Nguyễn Thanh Tuấn	22/03/1990		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
202	GC20T5P047	Huỳnh Anh Tuấn	12/10/1990		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
203	GC20T5P049	Nguyễn Văn Tý	23/04/1990		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
204	GC20T5P051	Đỗ Minh Út	00/00/1989		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
205	GC20T5P053	Bùi Si Ven	26/09/1986		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
206	GC20T5P055	Trần Đình Vũ	02/07/1996		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
207	GC20T5P056	Nguyễn Cao Bằng	02/02/1983		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
208	GC20T5P057	Ngô Văn Dũng	28/03/1987		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
209	GC20T5P058	Hồ Hải Đăng	05/08/1986		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
210	GC20T5P061	Lê Thanh Huân	07/06/1985		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
211	GC20T5P062	Nguyễn Minh Kháng	04/12/1986		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
212	GC20T5P064	Lý Văn Kiệt	07/02/1989		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
213	GC20T5P066	Lê Văn Thái	01/01/1987		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
214	GC20T5P067	Vương Quốc Tính	25/10/1985		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
215	GC20T5P068	Huỳnh Bảo Ngọc Tri	20/11/1976	N	GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
216	GC20T5P070	Trần Thanh Xuyên	22/12/1980		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
217	GC20T5P071	La Thanh Dân	22/02/1987		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
218	GC20T5P073	Huỳnh Trung Kiên	19/12/1985		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
219	GC20T5P074	Nguyễn Xuân Nghị	05/05/1982		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
220	GC20T5P076	Trần Quốc Triều	02/12/1993		GC20T5P1	Kỹ thuật điện	Khá
221	KG1932N727	Trang Trí Tú	19/02/1991		KG1932N1	Luật	Trung bình
222	KG1932N733	Huỳnh Như Ý	17/11/2000	N	KG1932N1	Luật	Khá
223	KG2032N014	Nguyễn Thị Thúy Vy	12/12/2002	N	KG1932N1	Luật	Trung bình
224	KG2132Q501	Lê Thị Phà Ca	18/09/1981	N	KG2132Q1	Luật	Giỏi
225	KG2132Q503	Nguyễn Thị Dịu	13/01/1996	N	KG2132Q1	Luật	Khá
226	KG2132Q511	Tống Văn Hớn	20/07/1987		KG2132Q1	Luật	Khá
227	KG2132Q512	Ngô Thị Kim Liên	18/06/1989	N	KG2132Q1	Luật	Giỏi
228	KG2132Q514	Nguyễn Vũ Hoài Nam	02/01/1982	N	KG2132Q1	Luật	Giỏi
229	KG2132Q515	Nguyễn Thanh Nguyên	19/06/1991		KG2132Q1	Luật	Khá
230	KG2132Q517	Trương Đình Pháp	06/10/1973		KG2132Q1	Luật	Khá
231	KG2132Q519	Nguyễn Duy Tân	10/08/1986		KG2132Q1	Luật	Khá
232	KG2132Q524	Võ Thị Yếm	01/02/1986	N	KG2132Q1	Luật	Giỏi
233	KG2132Q525	Nguyễn Thị Thu Giang	26/12/1985	N	KG2132Q1	Luật	Khá
234	KG2132Q528	Nguyễn Thế Ninh	26/10/1981		KG2132Q1	Luật	Khá
235	KG2132Q529	Nguyễn Thanh Tiến	28/07/1997		KG2132Q1	Luật	Khá
236	KG2132Q531	Trần Thị Bích Phượng	22/06/1987	N	KG2132Q1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
237	KG2132Q535	Danh Thị Bích Tuyền	20/10/1988	N	KG2132Q1	Luật	Khá
238	KG21V1Q500	Nguyễn Hải Anh	01/09/1991		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
239	KG21V1Q503	Trần Thị Ngọc Hà	26/03/1987	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
240	KG21V1Q505	Thái Thị Hảo	06/05/1984	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
241	KG21V1Q509	Trần Ngọc Lụa	03/07/1992	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
242	KG21V1Q513	Nguyễn Văn Ngời	24/01/1990		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
243	KG21V1Q516	Trần Ánh Nhung	29/09/1990	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
244	KG21V1Q522	Phan Thị Thanh Thảo	25/02/1986	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
245	KG21V1Q523	Phạm Thanh Tuấn	06/09/1979		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
246	KG21V1Q526	Tạ Thị Mai Xuân	30/12/1995	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
247	KG21V1Q527	Danh Ngọc Bình	18/03/1989		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
248	KG21V1Q529	Lê Thị Thanh Hằng	07/10/1991	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
249	KG21V1Q530	Nguyễn Ngọc Hạnh	09/03/1990		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
250	KG21V1Q531	Phạm Nguyễn Phú Khánh	03/08/1997		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
251	KG21V1Q532	Trần Tuấn Khanh	04/09/1985		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
252	KG21V1Q534	Nguyễn Minh Lý	28/04/1993		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
253	KG21V1Q536	Lê Trần Bảo Ngọc	09/06/1996	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
254	KG21V1Q537	Lê Trọng Nguyễn	13/05/1990		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
255	KG21V1Q538	Nguyễn Lê Minh Nguyệt	18/11/1995	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
256	KG21V1Q539	Phan Bình Thuận	05/05/1999		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
257	KG21V1Q541	Đặng Thùy Trang	20/11/1981	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
258	KG21V1Q542	Lê Thị Hải Yến	10/04/1983	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
259	KG21V1Q544	Trần Thị Búi	28/02/1979	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
260	KG21V1Q545	Trần Băng Dương	09/04/1982		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
261	KG21V1Q549	Lâm Văn Linh	22/05/1979		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
262	KG21V1Q555	Trần I Rắc	00/00/1991		KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
263	KG21V1Q560	Lê Thị Mỹ Trân	15/06/1998	N	KG21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
264	LA1532N556	Tổng Sơn Tùng	04/07/1990		LA1532N1	Luật	Trung bình
265	LA1932Q039	Nguyễn Thanh Hoàng	02/09/1987		LA1932Q1	Luật	Trung bình
266	LA2132Q500	Nguyễn Phạm Trường An	03/10/1985	N	LA2132Q1	Luật	Giỏi
267	LA2132Q501	Trần Thị Ngọc Châu	14/04/1989	N	LA2132Q1	Luật	Khá
268	LA2132Q502	Trương Quế Chi	20/10/1997	N	LA2132Q1	Luật	Khá
269	LA2132Q503	Bùi Văn Chiến	19/06/1968		LA2132Q1	Luật	Khá
270	LA2132Q504	Phạm Thị Ngọc Diễm	04/03/1998	N	LA2132Q1	Luật	Khá
271	LA2132Q506	Phạm Văn Định	14/04/1988		LA2132Q1	Luật	Khá
272	LA2132Q507	Đặng Văn Hải	18/11/1980		LA2132Q1	Luật	Giỏi
273	LA2132Q509	Trần Thanh Hậu	26/09/1997		LA2132Q1	Luật	Khá
274	LA2132Q510	Trương Khánh Hòa	03/05/1994		LA2132Q1	Luật	Giỏi
275	LA2132Q511	Nguyễn Duy Linh	22/06/1991		LA2132Q1	Luật	Khá
276	LA2132Q512	Võ Trọng Nghĩa	30/07/1984		LA2132Q1	Luật	Khá
277	LA2132Q513	Huỳnh Thị Khương Nguyệt	20/03/1982	N	LA2132Q1	Luật	Khá
278	LA2132Q514	Trần Thanh Nhã	28/05/1997		LA2132Q1	Luật	Khá
279	LA2132Q516	Đỗ Lan Phương	21/05/1982	N	LA2132Q1	Luật	Khá
280	LA2132Q517	Trần Nguyễn Trúc Phượng	28/10/1995	N	LA2132Q1	Luật	Khá
281	LA2132Q519	Đoàn Thị Kim Quyên	10/10/1983	N	LA2132Q1	Luật	Khá
282	LA2132Q520	Lê Thị Phương Quyên	20/08/1990	N	LA2132Q1	Luật	Khá
283	LA2132Q523	Nguyễn Quốc Thái	12/04/1967		LA2132Q1	Luật	Giỏi
284	LA2132Q524	Ngô Thị Thanh Thảo	02/04/1990	N	LA2132Q1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
285	LA2132Q527	Phạm Thị Thu Thủy	01/02/1999	N	LA2132Q1	Luật	Giỏi
286	LA2132Q528	Lê Minh Toàn	22/12/1993		LA2132Q1	Luật	Khá
287	LA2132Q529	Đào Thị Như Trúc	19/11/1979	N	LA2132Q1	Luật	Khá
288	LA2132Q532	Nguyễn Sơn Tùng	19/05/1988		LA2132Q1	Luật	Giỏi
289	LA2132Q533	Huỳnh Thanh Vũ	04/01/1980		LA2132Q1	Luật	Khá
290	LA2132Q535	Võ Thị Xanh	04/04/1987	N	LA2132Q1	Luật	Khá
291	LA2132Q536	Nguyễn Ngọc Yến	20/05/1991	N	LA2132Q1	Luật	Khá
292	LA2132Q537	Đặng Thành Nhân	23/08/1981		LA2132Q1	Luật	Khá
293	LA2132Q539	Ngô Kiến Phúc	16/09/1994		LA2132Q1	Luật	Khá
294	LA2132Q540	Hồ Huỳnh Tuyền	11/02/1985	N	LA2132Q1	Luật	Khá
295	ST1432M161	Lương Nghĩa Bình	10/11/1996		ST1432M2	Luật	Trung bình
296	ST1432M386	Nguyễn Thanh Tuấn	12/03/1989		ST1432M3	Luật	Trung bình
297	ST2132Q500	Lý Trường Loan Anh	28/02/1984	N	ST2132Q1	Luật	Giỏi
298	ST2132Q506	Lê Thị Hồng Hương	19/04/1985	N	ST2132Q1	Luật	Khá
299	ST2132Q508	Trịnh Thúy Huỳnh	13/10/1996	N	ST2132Q1	Luật	Giỏi
300	ST2132Q511	Trương Xuân Anh Khoa	08/04/1985		ST2132Q1	Luật	Khá
301	ST2132Q514	Vương Mộng Linh	15/08/1984		ST2132Q1	Luật	Khá
302	ST2132Q515	Lâm Cẩm Loan	27/04/1982	N	ST2132Q1	Luật	Khá
303	ST2132Q517	Dương Chí Nguyễn	20/03/1980		ST2132Q1	Luật	Khá
304	ST2132Q524	Lý Sơn	01/01/1979		ST2132Q1	Luật	Khá
305	ST2132Q525	Phạm Thị Nguyệt Tâm	01/05/1989	N	ST2132Q1	Luật	Khá
306	ST2132Q526	Diệp Thanh	01/01/1992		ST2132Q1	Luật	Khá
307	ST2132Q527	Trần Thị Thu Thảo	16/02/1984	N	ST2132Q1	Luật	Khá
308	ST2132Q528	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/10/1979	N	ST2132Q1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
309	ST2132Q529	Nguyễn Phước Thiện	08/01/1985		ST2132Q1	Luật	Khá
310	ST2132Q530	Bùi Thị Hồng Thu	15/08/1977	N	ST2132Q1	Luật	Giỏi
311	ST2132Q532	Trần Thanh Tuyền	14/07/1994	N	ST2132Q1	Luật	Giỏi
312	ST2132Q535	Kim Thị Minh Xuân	19/11/1990	N	ST2132Q1	Luật	Khá
313	ST21V1Q503	Trần Văn Cảnh	12/01/1985		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
314	ST21V1Q506	Nguyễn Thành Duy	31/03/1983		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
315	ST21V1Q509	Quách Kim Hằng	14/07/1987	N	ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
316	ST21V1Q512	Tô Hiếu Trung Nghĩa	29/05/1997		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
317	ST21V1Q515	Lâm Trọng Nguyễn	16/04/1986		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
318	ST21V1Q518	Đình Trần Vinh Phong	01/12/1994		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
319	ST21V1Q520	Huỳnh Quốc Thái	22/12/1990		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
320	ST21V1Q521	Trần Phạm Ngọc Thanh	28/12/1992	N	ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
321	ST21V1Q522	Vương Tấn Thành	21/03/1991		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
322	ST21V1Q525	Mã Tú Trinh	07/12/1980	N	ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
323	ST21V1Q526	Đặng Thị Hoàng Yến	28/01/1985	N	ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
324	ST21V1Q527	Chương Tường Anh	02/11/1983		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
325	ST21V1Q530	Huỳnh Thị Diễm Phương	15/04/1984	N	ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
326	ST21V1Q532	Trương Ngọc Thâm	24/07/1986	N	ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
327	ST21V1Q533	Huỳnh Hiếu Trung	13/06/1992		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
328	ST21V1Q534	Lê Tấn Đạt	07/12/1979		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
329	ST21V1Q535	Phạm Ngọc Huệ	06/04/1978		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
330	ST21V1Q536	Lưu Diễm Trang	00/00/1987	N	ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
331	ST21V1Q537	Khuru Khải Trí	15/12/1981		ST21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
332	VT1932H316	Ngô Thị Thanh Ái	07/07/1987	N	VT1932H1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
333	VT1932H325	Đào Tuyết Ngân	01/01/1989	N	VT1932H1	Luật	Khá
334	VT1932N509	Danh Nhân	01/02/1983		VT1932N1	Luật	Trung bình
335	VT1932N510	Nguyễn Hoàng Phong	15/02/1985		VT1932N1	Luật	Khá
336	VT2032P013	Cao Hồng Nhung	12/07/1986	N	VT2032P1	Luật	Khá
337	VT2032P021	Phạm Thị Tuyết Duyên	21/01/1997	N	VT2032P1	Luật	Khá
338	VT2032P022	Bùi Băng Tâm	04/12/1990	N	VT2032P1	Luật	Khá
339	VT2032P501	Danh Kết	25/03/1990		VT2032P2	Luật	Khá
340	VT2132Q500	Nguyễn Hữu Duy	24/04/1994		VT2132Q1	Luật	Trung bình
341	VT2132Q501	Võ Thị Nhi	20/01/1981	N	VT2132Q1	Luật	Khá
342	VT2132Q503	Võ Thị Cẩm Tiên	08/11/1992	N	VT2132Q1	Luật	Khá
343	VT2132Q505	Huỳnh Phúc Kha	26/02/1996		VT2132Q1	Luật	Khá
344	VT2132Q508	Hoàng Thị Vân Anh	16/04/1988	N	VT2132Q1	Luật	Khá
345	VT2132Q509	Võ Văn Liêm	20/10/1989		VT2132Q1	Luật	Khá
346	VT21V1Q502	Lê Trương Ngọc Châu	30/11/1989	N	VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
347	VT21V1Q504	Trần Tất Đăng	06/10/1977		VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
348	VT21V1Q507	Huỳnh Hà Giang	06/09/1979	N	VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
349	VT21V1Q516	Trần Lãm	21/09/1992		VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
350	VT21V1Q519	Trần Thanh Ngân	20/05/1978	N	VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
351	VT21V1Q520	Lê Chúc Nhịnh	16/11/1984	N	VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
352	VT21V1Q525	Phan Hoàng Thắm	30/05/1993		VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
353	VT21V1Q532	Trần Thanh Xuyên	01/01/1984		VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
354	VT21V1Q533	Huỳnh Duy Khanh	20/07/1987		VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
355	VT21V1Q534	Võ Thị Huỳnh Kim	03/10/1990	N	VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
356	VT21V1Q535	Lê Thị Thảo	25/11/1982	N	VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
357	VT21V1Q536	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	01/05/1990	N	VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
358	VT21V1Q537	Đoàn Thanh Phong	08/02/1982		VT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi

LẬP BẢNG



Võ Minh Trí

TL. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LIÊN KẾT ĐÀO TẠO



Phạm Phương Tâm